

TỰ LUẬN : LỊCH SỬ LỚP 12

Câu 1 : HỘI NGHỊ IANTA (2 / 1945)

a. **Hoàn cảnh lịch sử** : CTTG II sắp kết thúc, nhiều **vấn đề cấp bách** đặt ra cho các nước Đồng minh Liên Xô, Mỹ, Anh:

- Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn Phát xít.
- Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- Phân chia thành quả

b. **Nội dung / quyết định** :

- **Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít**. Sau khi đánh bại phát xít Đức, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
- Thành lập t/c **Liên hợp quốc**
- Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng, châu Á, châu Âu.
- + **Liên Xô**: Đông Đức, Đông Béclin, Đông Âu, Bắc Triều Tiên. Liên Xô chiếm 4 đảo Curin
- + **Mỹ** : Tây Đức, Tây Béclin, Tây Âu, Nam Triều Tiên, Nhật Bản
- + **Trung lập**: Áo và Phần Lan.

c. **Hệ quả**: Những quyết định của Hội nghị Ianta đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới: **trật tự 2 cực Ianta**.

Câu 2 : LIÊN HỢP QUỐC

- **Mục đích**: Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên thế giới
- **Các cơ quan chính**: Đại Hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế và xã hội, Hội đồng Quản thác, Tòa án quốc tế và Ban thư kí.

Câu 3 : LIÊN BANG NGÀ (1991 -> 2000) :

- Kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Liên hợp quốc và trong quan hệ quốc tế.
- **Kinh tế** :1990 -> 1995: GDP luôn là số âm. Từ 1996, kinh tế phục hồi
- **Chính trị** :
 - + Hiến pháp ban hành, quy định thể chế **Tổng Thống Liên bang**.
 - + **Không ổn định**: do sự **tranh chấp giữa các đảng phái** và **xung đột sắc tộc**
- **Đối ngoại** :
 - + Ngã về phương Tây hi vọng nhận được sự ủng hộ về **chính trị** và viện trợ về **kinh tế**.
 - + **Khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á**

Câu 4 : ĐÔNG NAM Á

- Tháng 8/ 1945: thuộc địa Nhật. **Indonêxia, Việt Nam, Lào giành độc lập (1945)**

***Nhóm năm nước sáng lập ASEAN** (Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan)

	Chiến lược kinh tế hướng nội (công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu)	Chiến lược kinh tế hướng ngoại (công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo)
Thời gian	Sau giành độc lập	những năm 60-70 trở đi
Mục tiêu	Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, ..	C. lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế
Nội dung	đẩy mạnh hàng tiêu dùng nội địa,...	“Mở cửa”, thu hút đầu tư,...
Thành tựu	Đáp ứng nhu cầu trong nước	Bộ mặt KT-XH có sự biến đổi to lớn
Hạn chế	Thiếu vốn, nguyên liệu, chi phí,...	Lệ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài ..

Câu 5: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN

5.1. Hoàn cảnh lịch sử :

- Sau độc lập đòi hỏi phải tăng cường hợp tác để cùng phát triển.
- Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc.
- Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều ...

5.2. Sự thành lập :

- 8/8 /1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNÁ (ASEAN) thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm : Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Philippin.

5.3. Mục tiêu : Phát triển kinh tế, văn hóa trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

5.4. Hoạt động :

- * 1967 → 1975, là tổ chức non trẻ
- * 2/ 1976, kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở ĐNÁ (**Hiệp ước Bali**) : **đánh dấu sự khởi sắc và phát triển.**

5.5. Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN

* **Cơ hội** : Vươn ra thế giới, hội nhập, rút ngắn khoảng cách .Tiếp thu thành tựu khoa học - kĩ thuật, học hỏi cách quản lí,

* **Thách thức** : nguy cơ tụt hậu, bị sự cạnh tranh, dễ bị “hòa tan”, đánh mất bản sắc dân tộc.

Câu 6 : ẤN ĐỘ

* Sau 1945, chống thực dân Anh , dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại (giai cấp tư sản) .

- “**Phương án Maobátton**” chia Ấn Độ thành 2 nước dựa trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ (Ấn Độ giáo) và Pakixtan (Hồi giáo)

* Không thỏa mãn-> nhân dân đấu tranh-> **Cộng hòa Ấn Độ ra đời (01/ 1950)**

6.1. Đối nội :

- **Nông nghiệp**: “**cách mạng xanh**” trong nông nghiệp → tự túc lương thực (giữa những năm 70), từ năm 1995, xuất khẩu gạo (thứ 3 TG)
- **Công nghiệp**: những năm 80 : **đứng thứ 10 thế giới.**
- **Khoa học – kĩ thuật**: : “**Cách mạng chất xám**” →cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

6.2. Đối ngoại : Hòa bình, trung lập tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 7:

CHÂU PHI_ “lục địa mới trời dậy”. <u>Đặc điểm</u> : chống chế độ thực dân cũ	MĨ LA TINH_ lục địa bùng cháy <u>Đặc điểm</u> : chống chế độ độc tài thân Mỹ (thực dân mới)
- CTTG II: Ptđt giành độc lập phát triển mạnh trước hết là Bắc Phi (Ai Cập)_ <i>nước giành độc lập đầu tiên 1953</i> - 1960 : là “Năm châu Phi” 17 nước độc lập - 1975 : Môdambích, Angola : CNTD cũ cơ bản tan rã. - Sau 1975 : Dimbabuê và Namibia : chủ nghĩa thực dân cũ tan rã hoàn toàn *Nam Phi: Chống chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) - 1994: Nenxon Mandêla trở thành Tổng thống của nước CH Nam Phi→ đánh dấu chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc	- Đầu TK XIX, nhiều nước giành độc lập, sau đó lệ thuộc Mỹ. Sau CTTG II là “sân sau của Mỹ”. * Sau 1945, cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ. (thực dân kiểu mới) * Tiêu biểu (lá cờ đầu): cách mạng Cu Ba - Chống chế độ Batitxta * Đấu tranh dưới nhiều hình thức : bãi công, nổi dậy, đấu tranh nghị trường, đấu tranh vũ trang... bùng nổ mạnh mẽ → gọi là “Lục địa bùng cháy”.

Câu 8 : NƯỚC MỸ

Giai đoạn 1945-1973	
Kinh tế : Sau 1945, phát triển mạnh mẽ:	Đối ngoại
+ Công nghiệp : chiếm 56% sản lượng công nghiệp thế giới (1945 – 1948). + Nông nghiệp : gấp 2 lần sản lượng của 5 nước A, P, Tây Đức, Ý, Nhật cộng lại (1949) + Hơn 50% tàu bè trên biển; ¾ dự trữ vàng thế giới; 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới. → Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới (duy nhất) *Nguyên nhân phát triển kinh tế : + Tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhân công dồi dào, lãnh thổ rộng lớn. + Thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí. + Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật để nâng cao năng xuất, hạ giá thành sản phẩm (<i>cơ bản nhất, giống NB, Tây Âu</i>) + Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất , cạnh tranh lớn và hiệu quả. + Có sự điều tiết của nhà nước hiệu quả. *Khoa học – kĩ thuật : * Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần 2 và đạt nhiều thành tựu. (Vi: Nước Mỹ có điều kiện hòa bình và có nhiều điều kiện để nghiên cứu phát minh). Mỹ là nước đầu tiên đưa người lên mặt Trăng – 1969, đi đầu “cách mạng xanh”.	Thực hiện Chiến lược toàn cầu gồm 3 mục tiêu với tham vọng làm bá chủ thế giới : + Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt CNXH (mục tiêu bao quát nhất). + Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, ... + Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh. * <u>Biện pháp</u> : Phát động “Chiến tranh lạnh” 1973 -> 1982 : kinh tế khủng hoảng, suy thoái do khủng hoảng năng lượng (1973) nhưng vẫn là nước đứng đầu về kinh tế - tài chính
Giai đoạn 1991 - 2000	
Kinh tế, khoa học – kĩ thuật.	Đối ngoại :
- Suốt thập kỉ 90, kinh tế vẫn đứng đầu thế giới - Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.	Chiến lược “Cam kết và mở rộng” mục tiêu : -Bảo đảm lực lượng quân sự mạnh. -Tăng cường kphục phát triển k.tế. -Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ các nước khác.

*** Vụ khủng bố 11/9/2001:** Giáng đòn nặng an ninh Mỹ. dẫn đến sự thay đổi đối nội, đối ngoại của Mỹ ở TK XXI.

Câu 9 : TÂY ÂU

Giai đoạn: 1945 – 1950

***Kinh tế :** 1950, kinh tế phục hồi, đạt mức trước chiến tranh. → 1945 – 1950: nhận viện trợ Mỹ (**Kế hoạch Mácsan**) , ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với Đông Âu.

Giai đoạn: 1950 -> 1973.

Kinh tế : Đầu thập kỷ 70 : Tây Âu là một trong 3 trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (Tây Đức là cường quốc công nghiệp thứ 3, Anh thứ 4, Pháp thứ 5)

*** Nguyên nhân phát triển :**

- + **Áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật. (giống Mỹ, Nhật Bản)**
- + Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.
- + Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài : viện trợ Mỹ, mua nguyên liệu rẻ ...

***Đối ngoại :**

- + **Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ-> Đa dạng hóa, đa phương hóa → muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.**
- + 1950 – 1973 : nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập →thời kì “Phi thực dân hóa” trên phạm vi toàn thế giới.

Giai đoạn : 1973 -> 1991.

***Kinh tế :**

- + 1973, **khủng hoảng năng lượng** -> Tây Âu suy thoái, khủng hoảng.
- + Sự cạnh tranh của Mỹ, Nhật, và các nước công nghiệp mới (NICs)

*** Đối ngoại :** 11/1972, “Hiệp định về những cơ sở của quan hệ Đông Đức –Tây Đức” kí kết -> tình hình c.Ấu dịu đi

***LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU):** Cuối thập kỷ 90, EU trở thành tổ chức liên kết chính trị – kinh tế lớn nhất thế giới.

Tổ chức và hoạt động : 5 cơ quan chính : Hội đồng Châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban Châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu...

Mục đích : Hợp tác, liên minh trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

Câu 10 : NHẬT BẢN

1945 -> 1952	1952 → 1973.	1973 -> 1991	1991 - 2000
Sau 1945, bị Mỹ chiếm đóng (1945 → 1952) * 1950 – 1951 : Dựa vào viện trợ Mỹ và nỗ lực bản thân, Nhật đã khôi phục kinh tế, đạt mức trước chiến tranh. <u>Đối ngoại</u> : liên minh chặt chẽ với Mỹ. - Kí “hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô”(1951) → chấm dứt chiếm đóng Đồng minh (từ năm 1952). - Kí “hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật”(1951) →	Kinh tế, khoa học – kĩ thuật -- 1960 → 1973 : phát triển “Thần kì” (1960-1969) đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ) + Đầu những năm 70: một trong 3 trung tâm kinh tế – tài chính lớn t giới * <u>Nguyên nhân:</u> - Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định. - Vai trò lãnh đạo, quản lí của nhà nước có hiệu quả. - Các công ty năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt , sức cạnh tranh cao. - Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật hđ - Chi phí quốc phòng thấp, tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.	<u>Kinh tế :</u> - Từ 1973, kinh tế phát triển xen kẽ với <u>khủng hoảng</u>, suy thoái ngắn. - <u>Nửa sau những năm 80:</u> vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới *<u>Đối ngoại</u> : liên minh chặt chẽ với Mỹ, mặt khác: + Đưa ra học thuyết Phucurđa(<i>đánh dấu sự trở về châu Á của NB</i>) và học thuyết Kaiphu (1991) -> tăng cường	<u>*Kinh tế :</u> - Kinh tế suy thoái nhưng vẫn là 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới *<u>Đối ngoại</u> : tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ. -<u>Đầu những năm 90,</u> vươn lên thành siêu cường

chấp nhận sự bảo trợ của Mỹ	- Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài (giống với Tây Âu)	quan hệ kinh tế, chính trị ĐNÁ, ASEAN.	chính trị – kinh tế.
-----------------------------	---	--	-----------------------------

Câu 11: QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

* Sau 1945, Liên Xô và Mỹ chuyển sang thế đối đầu.

***Nguyên nhân** : Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa Liên Xô và Mỹ.

***Diễn biến** :

* **Mỹ** : Sau 1945, Mỹ trở thành nước tư bản giàu nhất, độc quyền vũ khí nguyên tử → cho rằng có quyền lãnh đạo thế giới

- 3/ 1947 : **học thuyết Truman** _ Sự kiện mở đầu chiến tranh lạnh

+ “Kế hoạch Mácsan” → phục hồi kinh tế Tây Âu → tạo sự đối lập về kinh tế – chính trị giữa Tây Âu và Đông Âu.

+ 4/ 1949, NATO thành lập → là liên minh quân sự Tây Âu do Mỹ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và Đông Âu.

* **Liên Xô** :

- 1949, Liên Xô và Đông Âu lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

- 1955, Tổ chức Vácsava thành lập → là liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của phe XHCN.

→ sự ra đời NATO và Vácsava đánh dấu sự xác lập của cục diện 2 cực, 2 phe → Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới

Câu 12: Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt.

1 / Những biểu hiện của xu thế hòa hoãn.

- 1972, “Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức” được kí kết → tình hình Châu Âu bớt căng thẳng.

- 1975, Định ước Henxinki, nhằm bảo đảm an ninh Châu Âu và sự hợp tác giữa các nước.

2/ Chiến tranh lạnh chấm dứt: 12/ 1989, tại đảo Manta, Goochbachốp và Busơ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

* **Nguyên nhân Xô – Mỹ chấm dứt chiến tranh lạnh** :

- Cuộc chạy đua vũ trang đã làm cho cả 2 nước suy giảm thế mạnh (chủ yếu nhất).

- Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và Tây Âu. Liên Xô lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Câu 13: Thế giới sau chiến tranh lạnh.

- 1989 – 1991, CNXH tan rã ở Liên Xô, Đông Âu → khối SEV và Vacsava giải thể → thế 2 cực không còn nữa.

- Từ 1991, tình hình thế giới phức tạp, phát triển theo các xu thế sau : “đa cực”, **phát triển kinh tế, Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực”** ; Hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình không ổn định

- Sự kiện 11/ 9/ 2001, đã đặt nhân loại trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố.

Câu 14: CM KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU TK XX

***Nguồn gốc** :

- Bắt đầu từ những năm 40 của TK XX.

- Do yêu cầu nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. Sự bùng nổ dân số và sự cạn kiệt của tài nguyên.

***Đặc điểm :**

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp,
- Khác với cuộc cách mạng công nghiệp TK XVIII, trong cuộc CM KHKT hiện đại, **mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.**

* Cuộc CM KH – KT phát triển qua hai giai đoạn:

- + Giai đoạn đầu: từ những năm 40 : **chủ yếu về kỹ thuật**
- + Giai đoạn hai: từ 1973 → nay : **cốt lõi là về công nghệ**

***Tác dụng :**

- Tích cực :

- + Tăng năng xuất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống
- + Thay đổi cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp.
- + Hình thành thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.
- + **Nhân loại bước sang nền “văn minh thông tin”**

*** **Hệ quả quan trọng của cuộc CM KHKT là sự xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.**

*** Bản chất của toàn cầu hóa :** là quá trình **tăng lên mạnh mẽ** những mối **liên hệ**, những ảnh hưởng **tác động lẫn nhau**

*** Biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa :**

- Thương mại quốc tế.
- Công ti xuyên quốc gia.
- Những tập đoàn lớn
- Sự ra đời của các tổ chức

*** Tác dụng :**

- **Tích cực :** thúc đẩy rất mạnh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh
- **Tiêu cực :** làm trầm trọng thêm sự bất công, khoảng cách giàu – nghèo, nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc

PHẦN II : LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 → 2000

Câu 1: Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 – 1929)

- Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần 2 (1919 – 1929) để bù đắp lại những thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra và nâng địa vị

- **Đặc điểm:** Đầu tư với **tốc độ nhanh, quy mô lớn** (nông nghiệp và công nghiệp)

- **Nông nghiệp : đầu tư vốn nhiều nhất**(đồn điền cao su)

- **Công nghiệp :**

- + Mở mang công nghiệp nhẹ (dệt, muối, xay xát...) → vì nguồn nguyên liệu sẵn có và nhân công.
- + Coi trọng việc khai mỏ (mỏ Than) → nguồn nguyên liệu rất cần đối với các nước TB

- **Độc chiếm thị trường** (*đánh thuế nặng hàng hóa nhập vào*).

- Giao thông vận tải : phục vụ cho nhu cầu quân sự và khai thác thuộc địa

Chuyển biến kinh tế : có bước phát triển mới nhưng mất cân đối, lệ thuộc vào kinh tế Pháp. Pháp độc chiếm thị trường Đông Dương.

Xã hội : có 5 giai cấp (bên cạnh giai cấp cũ : địa chủ pk, nông dân và công nhân (*ra đời trong chương trình khai thác thuộc địa lần 1 của thực dân Pháp*) xuất hiện 2 giai cấp mới đó là tư sản và tiểu tư sản)

- **Giai cấp địa chủ phong kiến :** phân hóa.

+ **Đại địa chủ phong kiến:** trở thành chỗ dựa cho Pháp (**đối tượng cách mạng**).

+ **Tiểu và trung địa chủ** tham gia phong trào yêu nước chống Pháp và tay sai.

- **Giai cấp nông dân :** -> là lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.

- **Giai cấp tiểu tư sản :** ra đời sau thế chiến thứ I, phát triển nhanh về số lượng → **hăng hái, nhạy bén cách mạng**

- **Giai cấp Tư sản** : ra đời sau thế chiến thứ I, bị Tư bản Pháp chèn ép, số lượng ít, thế lực kinh tế yếu
-> phân hóa thành 2 bộ phận:
- + Tư sản mại bản : quyền lợi gắn liền với đế quốc (**đối tượng cách mạng**)
- + Tư sản dân tộc : có tinh thần dân tộc dân chủ nhưng dễ bị thỏa hiệp, không kiên định.
- **Giai cấp công nhân** : ngày càng phát triển
 - Bị tư sản, đế quốc áp bức, bóc lột nặng nề.
 - Có quan hệ gắn bó với nông dân.
 - Thừa hưởng truyền thống yêu nước của dân tộc.
 - Sớm ảnh hưởng trào lưu cách mạng vô sản.

⇒ trở thành động lực của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến.

*** Mâu thuẫn xã hội sâu sắc** : chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và tay sai (mâu thuẫn cơ bản : nông dân với địa chủ phong kiến)=> nhiệm vụ cách mạng là chống đế quốc và tay sai.

Câu 2: Hoạt động của Tư sản, Tiểu tư sản, và công nhân Việt Nam.

Tư sản Việt Nam :

- Tẩy chay Tư sản Hoa kiều, vận động người Việt Nam chỉ mua hàng Việt Nam, “**chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa**”.
- **Chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam kì.**

Công nhân :

- **1919 – 1925: đấu tranh mang tính tự phát, chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế** (vì: trình độ giác ngộ còn thấp).
- 8/ 1925, thợ máy xưởng BaSon -> **đánh dấu bước tiến mới của phong trào từ tự phát sang tự giác.**
→**đấu tranh có tổ chức, lãnh đạo, không những đòi quyền lợi về kinh tế mà còn thể hiện ý thức chính trị, sự đoàn kết trong phong trào công nhân quốc tế.**

Câu 3: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1919 → 1925)

- 1919: gửi tới Hội nghị Véc xai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” → không được chấp nhận →”muốn được giải phóng chỉ có thể trông cậy vào lực lượng bản thân mình”.
- Giữa 1920: đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lê nin → **giúp NAQ tìm ra con đường cứu nước đúng đắn_ CM Vô sản (CM T10 Nga).**
- 12/ 1920:dự Đại hội Đảng xã hội Pháp ở Tua,tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp →**từ chiến sĩ yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản**
- 1921: lập “Hội liên hiệp thuộc địa” .Báo “Người cùng khổ” là cơ quan ngôn luận của hội →**bước đầu thiết lập mối quan hệ giữa CM VN với CM TG.**
- 1923, NAQ đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân. 1924, dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần V.
→**Mục đích: Học hỏi xây dựng đảng kiểu mới.**
- 1925, thành lập “ Hội việt Nam cách mạng Thanh niên”
→ Những hoạt động trên nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam.

• **Vai trò của NAQ từ 1919 -1925 :**

- + Tìm thấy con đường cứu nước (*đây là công lao lớn nhất đầu tiên*).
- + Chuẩn bị về tư tưởng ,tổ chức cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở VN (ĐCSVN)

Câu 4 : Hội Việt Nam cách mạng thanh niên : Đường lối chính trị: **khuyến hướng vô sản.**

- 6/ 1925, NAQ lập “Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên” **nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh để đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.**

- Báo Thanh niên (1925) và tác phẩm “Đường cách mệnh”(1927) nhằm trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ của Hội, để tuyên truyền cho nhân dân Việt Nam.
- 1925, NAQ và một số nhà yêu nước Châu Á lập “Hội Liên Hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”.
- 1928, chủ trương “vô sản hóa”
- **1929, phân hóa thành những tổ chức cộng sản: Đông Dương CS đảng và An Nam CS đảng → hợp nhất lại thành ĐCS → khuynh hướng vô sản thắng lợi.**

Câu 5: Việt Nam Quốc dân đảng(theo khuynh hướng : cách mạng dân chủ tư sản) thành lập 12/ 1927→khởi nghĩa Yên Bái thất bại → VN Quốc dân đảng chấm dứt sự tồn tại → khuynh hướng dân chủ TS thất bại vì không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của CM VN.

Câu 6: ĐẢNG

***Sự xuất hiện 3 tổ chức cộng sản :**

Bối cảnh : 1929, phong trào dân tộc dân chủ phát triển, kết thành làn sóng mạnh mẽ → **cần phải thành lập ĐCS để thay thế cho Hội VNCMTN không đáp ứng yêu cầu CM đang phát triển.**

Sự thành lập 3 tổ chức cộng sản :

- **6/ 1929: Đông Dương cộng sản đảng (Bắc kì).Ra báo Búa liềm** làm cơ quan ngôn luận
- **8/ 1929 : An Nam Cộng sản Đảng (Nam kì) Tờ báo Đỏ** là cơ quan ngôn luận
- **9/ 1929: Đông Dương Cộng sản liên đoàn :**

Ý nghĩa : Là một xu thế khách quan, của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Đồng thời là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của ĐCS.

Hạn chế : Các tổ chức hoạt động riêng lẻ., gây chia rẽ → NAQ thống nhất các tổ chức cộng sản.

***Cương Lĩnh và Luận cương**

Nội dung	Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt (2 / 1930)	Luận cương chính trị 10 / 1930
Đường lối	Tiến hành “Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”	Cách mạng Tư sản dân quyền, sau đó tiến lên xã hội chủ nghĩa.
Nhiệm vụ	Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho Việt Nam độc lập tự do.	Đánh đổ phong kiến, đế quốc.
Mục tiêu	Lập chính phủ công, nông, binh. Tịch thu ruộng đất để quốc, bỏ phân cách mạng chia cho dân cày nghèo.	
Lực lượng	Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.	công nhân và nông dân.
Lãnh đạo	Đảng cộng sản VN	Đảng cộng sản.
Ý nghĩa	Cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.	• Hạn chế : - Chưa nêu được mâu thuẫn xã hội Đông Dương. - Không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu - Chưa đánh giá đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản, tiểu, trung địa chủ

***TÊN ĐẢNG**

- Hội nghị thành lập Đảng-> 3/2/1930 : **Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - 10/1930 ,Hội nghị ban chấp hành TW lâm thời ĐCSV Việt Nam đổi tên ĐCSVN thành **Đảng Cộng sản Đông Dương**.
 - 11/1945 : Hội nghị Cú chủ nghĩa Mác ở Đông Dương
 - 2/1951: Đại hội đại biểu lần 2 của ĐCSDD đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên **Đảng Lao động Việt Nam**
 - Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI(1976), tên Đảng được đổi thành **Đảng Cộng sản Việt Nam**
- * Ý nghĩa thành lập Đảng**
- Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp quyết liệt
 - Sự kết hợp : chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
 - Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng VN:
- + Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- + Từ đây, Đảng cộng sản VN sẽ lãnh đạo cách mạng VN, với đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo.
- Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định sự phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử cách mạng VN.

Câu 7: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH.

* Nguyên nhân trực tiếp (cơ bản): Đảng cộng sản VN ra

* **Phong trào ở Nghệ – Tĩnh**: 9/ 1930, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở Nghệ An và Hà Tĩnh

- 12/ 9 / 1930, 8000 nông dân ở Hưng Nguyên (Nghệ An) -> Chính quyền thực dân phong kiến bị tê liệt-> nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống, gọi là chính quyền “Xô viết”->**Thực hiện quyền làm chủ của quần chúng**, điều hành mọi mặt đời sống xã hội:**Chính trị, kinh tế ,văn hóa – xã hội**

Ý nghĩa lịch sử :

- Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng
- Hình thành khối liên minh công nông, bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế cộng sản

Bài học kinh nghiệm :

- Về công tác tư tưởng; xây dựng liên minh công nông và Mặt trận dân tộc thống nhất; tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- Là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám

Câu 8: SO SÁNH THỜI KỲ 1930 – 1931;1936 – 1939; 1939 - 1945

	1930-1931	1936 - 1939	1939 – 1945
Kẻ thù	Đế quốc và phong kiến	Đế quốc phát xít,phản động thuộc địa Pháp và tay sai	Đế quốc Pháp,phát xít Nhật và tay sai
Mục tiêu	Đánh đế quốc,phong kiến	Đòi các quyền tự do dân chủ cơ bản,hòa bình	Giải phóng dân tộc
Nhiệm vụ	Đánh đế quốc giành độc lập dân tộc. Đánh phong kiến giành ruộng đất cho dân cày	Chống chế độ phản động thuộc địa,chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh	
Lực lượng	Công nhân và nông dân	Đông đảo các giai cấp tầng lớp : CN,ND,TTS,Tư sản dân tộc,trung,tiểu địa chủ tập hợp	Toàn dân tộc k phân biệt giai cấp,tầng lớp,tôn giáo...tập hợp

		trong mật trận dân chủ Đông Dương.	trong Mật trận Việt Minh.
Phương pháp	Phong phú và quyết liệt: đấu tranh chính trị, bãi công, chuyển sang biểu tình có vũ trang => đấu tranh bí mật, bất hợp pháp	Phong phú : Mítting, đi nghị trường, báo chí, đưa đơn kiến nghị... => Kết hợp công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp	Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

Câu 9 : CÁC HỘI NGHỊ

Nội dung	Hội nghị BCH TW ĐCS Đông Dương 7/1936	11/1939 (Hội nghị lần 6)	5/1941 (Hội nghị Lần 8)
Nhiệm vụ	- <u>Chiến lược</u> : đánh đế quốc, phong kiến. - <u>Trước mắt</u> : chống phát xít, chống chiến tranh, phản động thuộc địa, đòi tự do cơm áo, hòa bình...	Đánh đế quốc và tay sai giải phóng Đông Dương làm cho ĐD hoàn toàn độc lập.	<u>Trước mắt</u> : Giải phóng dân tộc
Chủ trương	- Thành lập : Mật trận thống nhất nhân dân phản đế ĐD. -1938: Mật trận thống nhất dân chủ ĐD (Mật trận dân chủ Đông Dương)	-Tạm gác khẩu hiệu: cách mạng ruộng đất... -Lập chính quyền dân chủ cộng hòa thay cho Xô viết công nông binh. - Lập mật trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (Mật trận phản đế ĐD)	-Tiếp tục Tạm gác khẩu hiệu: cách mạng ruộng đất..., giảm tô... - Lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh)
Phương pháp	Công khai và bí mật. Hợp pháp và bất hợp pháp.	Bí mật	Từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa vũ trang
	-> <i>khắc phục hạn chế của Luận cương.</i>	Đánh dấu bước chuyển quan trọng , đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu	Hoàn chỉnh chủ trương đề ra tại Hội nghị TW tháng 11/ 1939 -> <i>Khắc phục hoàn toàn hạn chế của luận cương</i>

Câu 10 : CÁCH MẠNG THÁNG 8

* Xây dựng căn cứ địa :

- 11 / 1940, **Bắc Sơn – Võ Nhai** được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng (*Căn cứ địa cách mạng đầu tiên*)
- 1941, **Nguyễn Ái Quốc** chọn **Cao Bằng** để xây dựng căn cứ địa.

*** Lực lượng vũ trang giành chính quyền.**

- 22 / 12 / 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập. Hai ngày sau, đội đã đánh thắng 2 trận Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng).

5 / 1945, **VN Cứu quốc quân và VN Tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân. (Việt Nam giải phóng quân -> Vệ quốc đoàn -> Quân đội quốc gia Việt Nam)**

- 5 / 1946, thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Nguyên nhân, diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

a/ Nguyên nhân

*** Khách quan :** thời cơ thuận lợi đã đến. 15 / 8 / 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng.

*** Chủ quan :** lực lượng cách mạng đã chuẩn bị sẵn sàng.

b/ Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Chỉ thị “**Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta**” đã phát động nhân dân khởi nghĩa. (lúc này kẻ thù chính là Nhật) Khẩu hiệu : “Đánh đuổi phát xít Nhật”
- **Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam** giành chính quyền sớm nhất
- **Đồng Nai Thượng và Hà Tiên** giành chính quyền muộn nhất

*** Giành chính quyền ở Hà Nội (19/08); Huế (23/08).**

- Ngày 30 / 8 / 1945, Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến sụp đổ; Sài Gòn (25/08)

- Từ 14 -> 28 / 8 / 1945, Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.

Lưu ý : Trong CMT8 lực lượng **chính trị** giữ vai trò **quyết định**, **lực lượng vũ trang : xung kích**

Câu 10: Tình hình nước ta năm đầu tiên sau cách mạng tháng tám 1945.

1 / Khó khăn :

*** Ngoại xâm, nội phản (nguy hiểm nhất) :**

- Vĩ tuyến 16 trở ra Bắc gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào nước ta và bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách.

- Vĩ tuyến 16 trở vào Nam quân Anh tạo điều kiện cho Pháp trở lại xâm lược nước ta và bọn phản động trong nước chống phá cách mạng.

- Cả nước còn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.

*** Kinh tế :** Nạn đói cuối 1944 – đầu 1945 chưa khắc phục được. Nạn lụt lớn làm vỡ đê, hạn hán kéo dài, ruộng đất không canh tác được.

*** Tài chính :** Ngân sách trống rỗng, chính quyền chưa quản lí được Ngân hàng Đông Dương.

- Quân Trung Hoa Dân quốc tung ra các loại tiền mất giá → tài chính nước ta rối loạn.

*** Văn hóa :** lạc hậu, hơn 90% dân số mù chữ.

=> đất nước ta đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

2 / Thuận lợi :

- Ta đã giành quyền làm chủ, được chính quyền cách mạng đáp ứng quyền lợi nên gắn bó với chế độ. Ta có Đảng, có Hồ Chủ tịch sáng suốt lãnh đạo.

- Hệ thống CNXH đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển...

Đảng và nhà nước đã lãnh đạo nhân dân ta củng cố chính quyền, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

1/ Xây dựng chính quyền cách mạng

a/ Chính trị : 1 / 1946, Tổng tuyển cử trong cả nước .11 / 1946, thông qua Hiến pháp đầu tiên.

b/ Quân sự : 5 / 1946, thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam.

2 / Giải quyết nạn đói :

* **Biện pháp trước mắt :** “nhường cơm sẻ áo”, lập “hũ gạo cứu đói”, tổ chức “ Ngày đồng tâm”

* **Biện pháp lâu dài :** đẩy mạnh tăng gia sản xuất, khẩu hiệu “ Tắc đất tắc vàng”, “không một tấc đất bỏ hoang”...

3 / Giải quyết nạn đói. Nhiệm vụ cấp bách : xóa mù chữ.

- 8 / 9 / 1945, Hồ Chủ Tịch kí sắc lệnh thành lập **Nha Bình dân học vụ.**

4/ Giải quyết khó khăn về tài chính.

- Chính phủ kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp, xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng” (thu được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu đồng vào Quỹ đảm phụ quốc phòng). Ngày 23/11 / 1946, Quốc hội cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

Đảng và nhà nước đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng.

1 / Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ.

- Đêm 22 / rạng 23 / 9 / 1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam bộ và cơ quan tự vệ Sài Gòn -> mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần hai.

2 / Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc.

- Hồ Chủ Tịch chủ trương : Tránh một mình đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc
- > tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa dân quốc nhượng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị

3 / Hòa hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa dân quốc ra khỏi nước ta.

- 28 / 2 / 1946, Pháp và Trung Hoa dân quốc kí hiệp ước Hoa – Pháp
- Trước tình hình trên, TW Đảng chọn giải pháp “hòa để tiến” -> **6 / 3 / 1946, kí với Pháp Hiệp định sơ bộ.**

* **Nội dung Hiệp định sơ bộ** :Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ cộng hòa là quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

*** Ý nghĩa :**

- Ta tránh được việc cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù, đẩy được quân Trung Hoa dân quốc và bọn tay sai ra khỏi nước ta.
- * Sau Hiệp định sơ bộ, Pháp tăng cường khiêu khích -> quan hệ Việt – Pháp căng thẳng.
 - Hồ Chủ Tịch kí với Pháp **Tạm ước 14 / 9** : tiếp tục nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa -> nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn, để xây dựng, củng cố lực lượng kháng chiến toàn quốc chống Pháp.

Câu 11: Tại sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp bùng nổ năm 1946 ?

1/ Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta: 18 / 12 / 1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để Pháp giữ gìn trật tự Hà Nội.

2 / Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.

- 12 / 12 / 1946: chỉ thị **T toàn dân kháng chiến.**
- Đáp lại tối hậu thư của Pháp ngày 18 và 19 / 12 / 1946, Hội nghị TW Đảng phát động cả nước kháng chiến.

- **19 / 12 / 1946:** công nhân Nhà máy điện Yên Phụ (HN) phá máy làm mất điện là tín hiệu tiên công.-> **Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến** “...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. ..nhất định không chịu làm nô lệ ...”
- Tổng Bí thư Trường Chinh viết tác phẩm : **Kháng chiến nhất định thắng lợi** (9/1947)
=> Ba văn kiện trên đã nêu rõ đường lối kháng chiến của Đảng ta là : **Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cách sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.**
Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: ta đã tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố

Câu 12 : Kế hoạch quân sự của Pháp (1945 – 1954)

	Kế hoạch quân sự của Pháp (1945 – 1954)		
	ROVE 5/1949	ĐỒ LÁT ĐỒ TẮTXINH	NAVA 1953
Hoàn cảnh	Chuẩn bị cho chiến dịch biên giới thu đông 1950	Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương (Mỹ & Pháp kí hiệp định phòng thủ chung Đông Dương 12/1950, từng bước thay chân Pháp.	Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp, 5/1953 được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử Nava thay cho tướng Xalăng
Nội dung	- Tăng cường phòng ngự đường số 4. - Tấn công Việt Bắc lần 2	- Xây dựng phòng tuyến, “ vành đai trắng”. - Thực hiện chiến tranh tổng lực, đánh phá hậu phương.	+ Bước 1: phòng ngự miền Bắc + Bước 2: tiến công Bắc Bộ. <u>Biện pháp</u> : tập trung 44 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc Bộ nhằm bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở rừng núi... phá kế hoạch tiến công của ta.
Mục đích	Kết thúc chiến tranh		

Câu 13 : CÁC CHIẾN DỊCH CHỐNG PHÁP

	Việt Bắc thu đông 1947 (cd lớn đầu tiên Pháp mở)	Biên giới thu đông 1950 (cd lớn đầu tiên ta mở)	Chiến lược Đông Xuân 1953 -1954	Điện Biên Phủ 1954 (chống Pháp & can thiệp Mỹ)
Âm mưu	Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến	- Với sự đồng ý của Mỹ, Pháp đề ra <u>kế hoạch Rove(1949)-> <u>Mĩ từng bước dính líu trực tiếp vào Đông Dương.</u></u>	- Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương -> từng bước thay thế Pháp. - 9/1951, Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ trực tiếp ràng buộc Bảo Đại vào Mỹ. - Nhờ Mỹ giúp, Pháp <u>đề ra kế hoạch Nava.</u>	- Nava cho xây dựng ĐBP thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ĐD -> Xem đây là “ <u>Pháo đài bất khả xâm phạm</u> ”. <i>(có vị trí chiến lược then chốt ở ĐD và ĐNA)</i>

Chủ trương của ta	-Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”	- <u>Tiêu diệt sinh lực địch.</u> - Khai thông đường sang TQ và thế giới. -Mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.	“Tập trung lực lượng,mở hướng tiến công mà địch tương đối yếu <u>nhằm tiêu diệt sinh lực địch</u> ,...buộc phân tán lực lượng để tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của chúng”	- Mở chiến dịch Điện Biên Phủ : <u>Tiêu diệt lực lượng địch</u> ,giải phóng Tây Bắc,tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
Kết quả	-Cơ quan đầu não bảo vệ,bộ đội chủ lực của ta trưởng thành.Căn cứ Việt Bắc giữ vững.	- Giải phóng biên giới Việt –Trung. - Chọc thủng hành lang Đông –Tây	làm địch phân tán lực lượng	chiến dịch điện biên phủ toàn thắng
Ý nghĩa	- Pháp chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài. - Thực hiện “người Việt đánh người Việt lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.	- <u>Kế hoạch Rove bị phá sản.</u> -Ta giành thế chủ động chiến trường chính (Bắc Bộ	- <u>Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.</u>	- <u>Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.</u> - Tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao của ta thắng lợi.

Câu 14/ Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)-> Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (lần đầu tiên các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được công nhận)

Tình hình: Miền Bắc : giải phóng

➔ **Nhiệm vụ :** hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế,**tiến lên CNXH.**

Tình hình: Miền Nam: Mĩ dựng chính quyền Diệm biến MN thành thuộc địa kiểu mới

➔ **Nhiệm vụ: Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân,** thống nhất đất nước.

➔ **Nhiệm vụ của Việt Nam: kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tiến lên CNXH.**

Câu 15/ P.trào Đông Khởi

- Nguyên nhân : + Diệm Tổ cộng, diệt cộng, luật 10/59: lê máy chém khắp Miền Nam.

+ **HNBCB TW Đảng 15 quyết định: bao lực cách mạng** (hình thức đấu tranh : đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang)

-**Kết quả lớn nhất: Mặt trận dân tộc g.phóng MN ra đời (20/12/1960).**

- **Ý nghĩa lớn nhất : Đánh dấu bước p.triển CMMN từ giữ gìn lực lượng sang tiến công.**

Câu 16/ Đại biểu toàn quốc III của Đảng(9/1960) tại Hà Nội đề ra:

- Cách mạng XHCN ở **M.Bắc có vai trò quyết định nhất đv cách mạng cả nước.**

- Cách mạng dân tộc dân chủ ở **M.Nam có vai trò quyết định trực tiếp đv sự nghiệp g.phóng miền Nam**

Câu 17/ Các chiến lược chiến tranh của Mỹ

	Đặc biệt (1961 - 1965)	Cục bộ (1965 – 1968)	Việt Nam hóa chiến tranh (1969 –1973)
Giống	- Chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ (nằm trong chiến lược toàn cầu) - <u>Muốn chia cắt lâu dài,biến MNVN thành thuộc địa kiểu mới (âm mưu chiến lược của Mỹ)</u> và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đ. Dương.		

	- Chỉ huy là cố vấn quân sự, dựa vào bộ máy chính quyền tay sai, quân Sài Gòn, vũ khí phương tiện Mỹ. - Điều tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc - Điều bị ta đánh bại.		
Lực lượng chủ yếu	SÀI GÒN	Mĩ + đồng minh	SÀI GÒN
Âm mưu (cơ bản)	dùng người Việt đánh người Việt	Tạo ưu thế binh lực và hỏa lực “ <u>tìm diệt</u> ”, <u>cố giành lại thế chủ động</u> -> đẩy ta phòng ngự, <u>làm cho chiến tranh tàn lụi</u>	Tiếp tục dùng ng Việt đánh người Việt (<i>giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường, tận dụng xương máu người Việt</i>)
Thủ đoạn	Kế hoạch Xtalây-Tâylo: bình định M.Nam 18 tháng-> <i>Giônxon Mác Namara: Bình định M.Nam trong 2 năm</i> + Tăng viện trợ quân sự, <u>cố vấn, quân Sài Gòn, lập “Áp chiến lược”</u> + Sử dụng chiến thuật mới “ <u>trục thẳng vắn, thiết xa vắn</u> ”. + <i>Phong tỏa biên giới, vùng biển</i>) ngăn sự chi viện miền Bắc cho miền Nam.	- Mở cuộc hành quân vào Vạn Tường - “ Tìm diệt ” và “ bình định ” vào đất thánh Việt cộng	Lợi dụng mâu thuẫn Trung – Xô, thỏa hiệp với Trung Quốc... hạn chế sự giúp đỡ các nước này
Nhân dân Miền Nam chiến đấu	-Tiến công địch trên 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng và đô thị) Ba mũi (chính trị, quân sự, binh vận) . Với quyết tâm “Một tấc k đi, một li k rời”-> giành thắng lợi vang dội mở đầu trong trận <u>Áp Bắc (Mĩ Tho) 1963</u> -> phong trào “ thi đua Áp Bắc giết giặc lập công ”	-Mở đầu : Núi Thành, Vạn Tường. - <u>Vạn Tường</u> (<i>ta có khả năng đánh bại quân Mĩ</i>)_ coi là Áp Bắc mở đầu cao trào “ Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt ” - Sau 2 mùa khô, ta mở Mậu thân 1968 (tiến công và nổi dậy trên toàn Miền Nam) trọng tâm: đô thị-> <u>buộc Mĩ đàm phán</u> và rút quân về nước + Ý nghĩa Mậu thân : Mĩ tuyên bố “ <u>phi Mĩ hóa</u> ”, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền	Ta mở <u>cuộc tiến công chiến lược 1972</u> , đánh Quảng Trị (<i>hướng tiến công chính</i>) -> toàn miền Nam . Chọc thủng 3 phòng: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ . -> buộc Mĩ tuyên bố “ <u>Mĩ hóa</u> ” trở lại . - Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2 (4/1972) --> <u>mở cuộc tập kích</u> = máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng liên tục <u>12 ngày đêm</u> (18-29/12/1972), nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định <u>buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ</u> nhưng bị ta đánh bại làm nên “ <u>Điện Biên Phủ trên</u>

		Bắc, <u>chấp nhận đến đàm phán</u> ở Pari-> mở ra bước ngoặt cuộc kháng chiến chống Mỹ	<u>không ”-> Buộc Mỹ kí hiệp định Pari (1973)</u> -> <u>Mỹ rút khỏi nước ta) tạo thời cơ tiến lên giải phóng MN</u>
--	--	--	--

Câu 19: Hiệp định Pari được kí kết, quân Mỹ và đồng minh rút, ta đã “đánh cho Mỹ cút”-> so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam, song “ nguy chưa nhào”. Mỹ giữ lại 2 vạn cố vấn ,lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn-> tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ, “bình định”và “lấn chiếm” chúng ta bị mất đất mất dân

- Hội nghị TW Đảng 21 (7/1973) nêu rõ: Nhiệm vụ cách mạng miền Nam: tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng = con đường bạo lực, nắm vững chiến lược tiến công trên cả 3 mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao

-> Cuối 1944 đầu 1975, ta mở hoạt động quân sự ở Đồng Bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Ta giành thắng lợi Đường 14-Phước Long (chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh hòng chiếm lại nhưng thất bại, Mỹ phản ứng yếu ớt)

- Sau hoạt động cuối 1974 đầu 1975 (Đường 14-Phước Long) so sánh lực lượng có lợi mau lẹ cho cách mạng miền Nam -> Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trg 2 năm 1975 -1976, nhấn mạnh “cả 1975 là thời cơ” và chỉ rõ”nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng MN trg 1975”. Bộ chính trị nhấn mạnh tranh thủ thời cơ đánh thắng để đỡ thiệt hại về người và của.

Câu 20 : Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 :

- Chiến dịch Tây Nguyên: (4->24/3/1975): gp Buôn Ma Thuột-> Tây Nguyên-> từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công toàn miền Nam (Cd đang tiếp diễn Bộ chính trị quyết định gp Sài Gòn và toàn MN)

- Chiến dịch Hồ Chí Minh

Sau 2 c/dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Đảng nhận định “Thời cơ cd đã đến ta có đk hoàn thành sớm quyết tâm gp miền Nam”; từ đó quyết định” phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí và vật chất gp miền Nam trước mùa mưa (5/1975). Chiến dịch Sài Gòn –Gia Định mang tên “ chiến dịch Hồ Chí Minh ”. Châu Đốc là tỉnh gp cuối cùng.

Câu 21: Sau đại thắng mùa xuân 1975, Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ

-> Hội nghị 24 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước:

- 4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội:

- + Tên nước: Cộng hòa XHCN Việt Nam, cờ đỏ sao vàng, Quốc ca tiến quân ca, thủ đô Hà Nội, Thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên là TP.Hồ Chí Minh
- + Bầu cơ quan lãnh đạo cao nhất ,bầu ban dự thảo Hiến pháp

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước(ý nghĩa)

- + Tạo cơ sở thống nhất các lĩnh vực khác: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa....
- + Tạo điều kiện chính trị để phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, cả nước đi lên CNXH, những khả năng bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước (thành viên 149 của Liên hợp quốc)

Câu 22: Từ năm 1975 – 1979, nhân dân ta đã tiến hành những cuộc chiến tranh Bảo vệ Tổ quốc:

Bảo vệ biên giới Tây Nam (khơ me đỏ năm 1978); Bảo vệ biên giới phía Bắc (1979)

Câu 23: Đường lối đổi mới của Đảng

22.1. Hoàn cảnh lịch sử mới.(Nguyên nhân đổi mới)

Chủ quan : đất nước bị khủng hoảng kinh tế – xã hội -> Để khắc phục sai lầm và khủng hoảng, Đảng và nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Khách quan :

- Tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- Liên Xô và các nước XHCN khủng hoảng → ta phải đổi mới.

22.2. Đường lối đổi mới của Đảng.

*** Đường lối đổi mới được đề ra ở Đại hội VI (12 / 1986). Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu CNXH, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn, những bước đi và biện pháp thích hợp.**

- **Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ**, từ kinh tế, chính trị, tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Nhưng **trọng tâm là kinh tế.**

*** Kinh tế :**

- **Xóa cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.**
- **Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ.**
- **Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng XHCN.**
- **Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.**

*** Chính trị :**

- **Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước do dân vì dân.**
- **Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.**
- **Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.**

...HẾT...

BÀI TẬP 1

Câu 1. Sự kiện mở đầu cho Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

- A. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ nông dân Pêtorôgrát.
- B. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pêtorôgrát.
- C. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Leningrat.
- D. cuộc biểu tình của 9 vạn nữ nông dân Leningrat.

Câu 2. Thách thức về mặt đối nội của Liên bang Nga là

- A. sự tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc.
- B. nạn khủng bố do các phần tử cực đoan của Hội giáo gây ra.
- C. do các nước cộng hòa tự trị đang đòi li khai.
- D. sự mất đoàn kết của các chính đảng.

Câu 3. Những quốc gia nào sau đây giành độc lập năm 1945 ?

- A. Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Công.
- B. Ấn Độ, Việt Nam, Lào.
- C. Việt Nam, Lào, Thái Lan.
- D. Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 4. Vào những năm 80 của thế kỉ XX, trong số các nước công nghiệp của thế giới Ấn Độ là nước

- A. đứng thứ năm. B. đứng thứ bảy. C. đứng thứ tám. D. đứng thứ mười.

Câu 5. Tình hình kinh tế nước Mĩ trong giai đoạn 1973 – 1982 là

- A. kinh tế tiếp tục phát triển. B. kinh tế khủng hoảng và suy thoái.
C. kinh tế phát triển chậm lại. D. kinh tế Mĩ phát triển rất mạnh mẽ.

Câu 6. Khác với châu Á và Châu Phi, nhiều nước Mĩlaatinh sớm giành được độc lập từ tay

- A. thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. B. Liên Xô và Mĩ.
C. thực dân Anh và Liên Xô. D. thực dân Tây Ban Nha và Mĩ.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp hoặc tầng lớp có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam là

- A. nông dân. B. tư sản dân tộc. C. công nhân. D. tiểu tư sản.

Câu 8. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

- A. chính đảng vô sản đầu tiên ở Việt Nam.
B. tổ chức chính trị quá độ để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. tổ chức cách mạng của Việt kiều tại Trung Quốc.
D. một chi bộ của Quốc tế cộng sản.

Câu 9. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời vào tháng 2 – 1930 là kết quả tất yếu của

- A. phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919 – 1926.
B. cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp quyết liệt của nhân dân Việt Nam trong thời đại mới.
C. phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 1925 – 1927.
D. phong trào công nhân trong những năm 1919 – 1925.

Câu 10. Qua phong trào cách mạng 1930 – 1931, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tập dượt được

- A. đường lối cách mạng Việt Nam. B. vai trò lãnh đạo cách mạng.
C. trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng. D. khả năng lãnh đạo cách mạng.

Câu 11. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào dân chủ trong những năm 1936 – 1939 là

- A. chứng tỏ Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng trưởng thành.
B. là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.
C. để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
D. một bộ phận cán bộ của Đảng ra hoạt động công khai.

Câu 12. Phong trào đấu tranh công khai thu hút đông đảo quần chúng tham gia đòi tự do, dân sinh, dân chủ ở nước ta là

- A. phong trào cách mạng 1930 – 1931.
- B. phong trào cách mạng 1930 – 1935.
- C. phong trào cách mạng 1936 – 1939.
- D. phong trào cách mạng 1939 – 1945.

Câu 13. “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc” là câu trích từ tài liệu nào dưới đây?

- A. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.
- B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C. “Tuyên ngôn độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- D. “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 14. Cách mạng tháng 8 năm 1945 thắng lợi là kết quả của

- A. cuộc chiến đấu của các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi.
- B. quá trình chuẩn bị và tập dượt 15 năm từ khi Đảng ra đời.
- C. phong trào dân chủ 1936 – 1939.
- D. phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 – 1939 đến tháng 3 – 1945.

Câu 15. Bộ Chính trị và Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian?

- A. Trong hai năm 1974 và 1975.
- B. Trước mùa mưa năm 1975.
- C. Trong hai năm 1975 và 1976.
- D. Trước năm 1976.

Câu 16. Quan điểm “Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ” được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam có nghĩa là

- A. đổi mới về kinh tế, chính trị là chủ yếu.
- B. đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, nhưng đổi mới kinh tế trước.
- C. đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, nhưng đổi mới kinh tế, chính trị trước.
- D. đổi mới trên tất cả các lĩnh vực và cùng lúc.

Câu 17. Theo thỏa thuận của hội nghị Potsdam năm 1945 ở Đức, việc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam được giao cho quân đội nước nào?

- A. Anh.
- B. Trung Quốc.
- C. Liên Xô.
- D. Pháp.

Câu 18. Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

- A. Quan hệ hợp tác song phương.
- B. Quan hệ đối thoại.

C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.

D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Campuchia.

Câu 19. Lực lượng chính mà Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam giai đoạn 1961 – 1965 là

A. quân đội Sài Gòn.

B. quân viễn chinh Mỹ.

C. quân các nước đồng minh của Mỹ.

D. liên quân Mỹ – Pháp.

Câu 20. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 21. Trong cuộc cách mạng tháng Tám 1945 có 4 tỉnh lỵ giành chính quyền sớm nhất là

A. Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Long An, Tiền Giang.

D. Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Trị, Quảng Nam.

Câu 22. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định nhiệm vụ chiến lược cách mạng Việt Nam là

A. đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

B. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.

C. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Câu 23. Tại Hội nghị tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định mục tiêu trước mắt của cách mạng Đông Dương là

A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.

B. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.

C. đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân lao động.

D. đánh đổ Nhật – Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Câu 24. Ý nghĩa quốc tế của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

A. chứng tỏ tương quan so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phe xã hội chủ nghĩa.

B. cộng đồng quốc tế công nhận chủ quyền độc lập của ba nước Đông Dương.

C. đánh dấu mốc sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

D. là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

Câu 25. Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn trong thủ đoạn dồn dân lập “Áp chiến lược” trong những năm (1961 – 1965) là gì?

A. Củng cố quyền lực cho chính quyền Sài Gòn.

B. Mở rộng vùng kiểm soát.

C. Đẩy lực lượng cách mạng khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình bình định miền Nam.

D. Bình định miền Nam trong 18 tháng.

Câu 26. Mĩ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam nước ta trong những năm

A. 1963 – 1966.

B. 1964 – 1967.

C. 1965 – 1968.

D. 1966 – 1969.

Câu 27. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta trên toàn miền Nam đã chuyển sang giai đoạn

A. phòng ngự.

B. phản công.

C. tiến công chiến lược.

D. tổng tiến công chiến lược.

Câu 28. Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại kì họp đầu tiên của

A. Quốc hội khóa IV.

B. Quốc hội khóa V.

C. Quốc hội khóa VI.

D. Quốc hội khóa VII.

Câu 29. Điểm mới của Hội nghị lần 8 (5-1941) so với Hội nghị lần 6 (11-1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương là

A. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô, giảm thuế

B. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương

C. thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc

D. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến

Câu 30. Phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953 – 1954 là

A. chủ động mở những cuộc tiến công tại những địa bàn trọng yếu buộc địch phải phân tán lực lượng.

- B. tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công chiến lược tại đồng bằng Bắc Bộ.
- C. đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích tại các vùng sau lưng địch.
- D. tiếp tục mở nhiều chiến dịch quân sự lớn để củng cố thế chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Đông Dương.

Câu 31. Nội dung nào dưới đây không phải là xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng đa cực.
- C. Hòa bình thế giới được củng cố nhưng ở nhiều khu vực lại không ổn định.
- D. Các quốc gia điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.

Câu 32. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của lớp người đi trước là

- A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.
- C. đi châu Phi tìm đường cứu nước.
- D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 33. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thực dân Pháp không chú ý phát triển

- A. ngành nông nghiệp và công nghiệp chế biến.
- B. ngành thương nghiệp và ngân hàng.
- C. khai thác mỏ, nhất là mỏ than.
- D. ngành công nghiệp nặng.

Câu 34. Ý nào không phải ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

- A. Làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.
- B. Giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc Nga khỏi ách áp bức bóc lột.
- C. Đưa người lao động trở thành người làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.
- D. Đưa đến sự thành lập nhà nước Liên Xô.

Câu 35. Từ ngày 6 – 3 – 1946 đến trước ngày 19 – 12 – 1946, Chính phủ nước Việt Nam nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện đối sách gì đối với Pháp?

- A. Đối đầu trực tiếp về quân sự.
- B. Không nhân nhượng về kinh tế.
- C. Hòa hoãn, nhân nhượng.
- D. Từ chối tham gia Liên hiệp Pháp.

Câu 36. Thắng lợi nào của quân dân ta ở miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- D. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 37. Trong những điểm giống nhau giữa chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947, chiến dịch Biên Giới thu – đông năm 1950 và chiến dịch Điện biên Phủ năm (1945 – 1954) của quân dân Việt Nam là

- A. Quân ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.
- B. Làm thất bại kế hoạch “ đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
- C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.
- D. Làm thất bại các kế hoạch quân sự của thực dân Pháp.

Câu 38. Đối tượng của cách mạng trong giai đoạn 1936 – 1939 là

- A. bọn đế quốc xâm lược.
- B. địa chủ phong kiến.
- C. đế quốc và phong kiến.
- D. một bộ phận phản động thuộc địa và tay sai.

Câu 39. Yếu tố quyết định làm chuyển biến phong trào yêu nước ở Việt Nam từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản là gì?

- A. Tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Hoạt động của tiểu tư sản trí thức ở trong nước.
- C. Hoạt động yêu nước và sự truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin của Nguyễn Ái Quốc.
- D. Sự phát triển về ý thức và hoạt động của giai cấp công nhân.

Câu 40. So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về kết quả và ý nghĩa lịch sử?

- A. Đã đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự của địch.
- B. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi để giành thắng lợi cuối cùng.
- C. Là dấu mốc kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của thực dân, đế quốc.
- D. Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- HẾT-

